

Số: 1017/QĐ-STC

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 3 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán**  
**ngân sách nhà nước quý I năm 2023 tỉnh Thừa Thiên Huế**

**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh về việc quy định tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước địa phương năm 2023;

Căn cứ Công văn số 9712/UBND-TC ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh về đẩy mạnh công khai ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý ngân sách,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước tỉnh quý I năm 2023 các biểu và thuyết minh kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Quản lý ngân sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh; (để báo cáo)
- Cổng thông tin điện tử TT Huế;
- Ban biên tập Website Sở Tài chính (để đăng tin)
- Lưu: VT, QLNS (N-4).



GIÁM ĐỐC



---

**THUYẾT MINH**  
**Về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi**  
**ngân sách nhà nước quý I năm 2023**

*(Kèm theo Quyết định 1017/QĐ-STC ngày 31 tháng 3 năm 2023 về công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý I năm 2023 tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**1. Về thu NSNN trên địa bàn quý I năm 2023:**

Dự toán giao thu NSNN trên địa bàn là 9.926 tỷ đồng, thu 3 tháng đạt 2.501 tỷ đồng, bằng 25,2% dự toán HĐND tỉnh giao đầu năm (gọi chung là dự toán giao) và tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước. Riêng thu tháng 3 đạt 574 tỷ đồng, bằng 4,4% dự toán phần đầu và chỉ bằng 60% số thu từng tháng trước. Cụ thể như sau:

**a. Thu nội địa:** Dự toán giao 9.360 tỷ đồng, 3 tháng đạt 2.356 tỷ đồng, bằng 25,2% dự toán giao và tăng 8,6% so với cùng kỳ năm ngoái (nếu không gồm khoản thu thuế tiêu thụ đặc biệt năm trước chuyển sang của Công ty bia Huế thì bằng 96% so với cùng kỳ). Cụ thể:

- Thu nội địa không gồm thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đạt 2.171 tỷ đồng, bằng 30% dự toán giao và tăng 31% so với cùng kỳ. Một số khoản thu chủ yếu đạt cao như thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 1.200 tỷ đồng, vượt 74% so với cùng kỳ; thu ngoài quốc doanh vượt 7,8% so với cùng kỳ; thu khác vượt 03 lần cùng kỳ chủ yếu là khoản thu từ cho thuê, bán tài sản của các cơ quan, đơn vị và khoản thu tiền phạt; khoản thu phí tham quan di tích đạt 34 tỷ đồng (khoản thu phát sinh năm 2022).

Một số khoản thu đạt tương đối thấp, chưa đảm bảo tiến độ như thu lệ phí trước bạ mới chỉ đạt 44 tỷ đồng, giảm gần 56% so với cùng kỳ do chính sách thuế giảm thuế bảo vệ môi trường được phép tiếp tục đến hết năm 2023 (chính sách có hiệu lực từ tháng 7/2022); thuế thu nhập cá nhân 148 tỷ đồng, giảm 10% so với cùng kỳ là do những tháng đầu năm hoạt động chuyển nhượng bất động sản có xu hướng chững lại so với cùng kỳ năm ngoái.

- Thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất: 3 tháng đầu năm đạt 185 tỷ đồng, bằng 8,7% dự toán giao và giảm gần 63% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó:

+ Ngân sách tỉnh thu chi đạt 23,5 tỷ đồng, bằng 4,9% dự toán giao (nếu gồm 30% số thu ngân sách huyện điều tiết lên thì đạt 62,5 tỷ đồng).

+ Ngân sách huyện thu đạt 160 tỷ đồng, bằng 14,5% dự toán giao.

Như vậy, nguồn thu tiền sử dụng đất 03 tháng đầu năm còn đạt thấp. Để đảm bảo nguồn thu theo kế hoạch thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã được UBND tỉnh phê duyệt, đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính hàng tháng, tổng hợp tình hình thực hiện thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất trên địa bàn chi tiết theo từng dự án và từng địa phương. Tổ chức thực hiện thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thuộc tỉnh quản lý đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu 2.058 tỷ đồng; trong đó, cần xác định khả năng thu, các vướng mắc khi triển khai thực hiện các dự án để có giải pháp đảm bảo số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đạt theo kế hoạch đề ra.

Đồng thời, triển khai có hiệu quả các giải pháp theo Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch và một số giải pháp thực hiện thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất năm 2023 và Thông báo số 51/TB-UBND ngày 16/02/2023 của UBND tỉnh về kết luận tại cuộc họp rà soát, triển khai kế hoạch thu NSNN năm 2023 trên địa bàn.

**b. Thu thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu:** thu 3 tháng đạt 145 tỷ đồng, bằng 26% dự toán giao.

## **2. Về chi ngân sách địa phương quý I năm 2023**

Tổng chi ngân sách địa phương HĐND tỉnh giao đầu năm 14.522 tỷ đồng, 3 tháng ước đạt gần 2.600 tỷ đồng, bằng 18% dự toán, trong đó:

**a. Chi đầu tư phát triển:** ước đạt gần 600 tỷ đồng, bằng 11% dự toán, chủ yếu là giải ngân tạm ứng trong tháng 01 từ nguồn chi đầu tư trung ương bổ sung để thực hiện các dự án.

Riêng tháng 02, tháng 03 giải ngân đạt thấp ước chỉ đạt khoảng 110 tỷ đồng; nguyên nhân là do các ngành, địa phương đang tập trung công tác giao và thông báo vốn; đồng thời, các chủ đầu tư tập trung hoàn tất các thủ tục để thanh toán nguồn vốn của năm 2022 và đối chiếu số liệu thanh toán quyết toán năm 2022 nên giải ngân còn thấp.

### **b. Chi thường xuyên:**

Chi thường xuyên đạt 1.971 tỷ đồng, bằng 25% dự toán. Cơ bản, các ngành, các địa phương đã phân bổ và thông báo dự toán kinh phí cho các đơn vị trực thuộc.

Nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 giải ngân còn đạt rất thấp. Do đó, đề nghị các chủ dự án, các địa phương đôn đốc, đẩy nhanh công tác giải ngân để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn.

## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2023

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	10.096.000	2.671.300	26	115
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<u>9.926.000</u>	<u>2.501.300</u>	<u>25</u>	<u>114</u>
1	Thu nội địa	<u>9.360.000</u>	<u>2.356.054</u>	<u>25</u>	<u>112</u>
2	Thu từ dầu thô	0	0		
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	<u>555.000</u>	<u>144.478</u>	<u>26</u>	<u>134</u>
4	Thu viện trợ	<u>11.000</u>	<u>768</u>	<u>7</u>	<u>68</u>
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	170.000	170.000	<u>100</u>	0
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<u>14.301.331</u>	<u>2.601.216</u>	<u>18</u>	136
<b>I</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<u>11.201.731</u>	<u>2.144.486</u>	<u>19</u>	123
1	Chi đầu tư phát triển	<u>3.218.266</u>	<u>166.219</u>	<u>5</u>	64
2	Chi thường xuyên	7.735.834	1.978.267	<u>26</u>	133
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	10.689	0	0	0
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.180	0	0	0
5	Dự phòng ngân sách	235.762	0	0	0
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP</b>	<u>3.099.600</u>	<u>456.730</u>	<u>15</u>	263
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP</b>	468.600	3.443	<u>1</u>	0
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GÓC</b>	<u>16.659</u>	0	0	0

## THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2023

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	9.926.000	2.501.210	25	112
1	Thu nội địa	9.360.000	2.355.964	25	114
1	Thu từ khu vực DNNN	460.000	106.922	23	85
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	3.100.000	1.198.012	39	100
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.550.000	401.936	26	174
4	Thuế thu nhập cá nhân	460.000	147.641	32	108
5	Thuế bảo vệ môi trường	640.000	72.236	11	90
6	Lệ phí trước bạ	350.000	69.460	20	83
7	Thu phí, lệ phí	265.000	79.029	30	186
8	Các khoản thu về nhà, đất	2.138.000	187.482	9	38
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>	0	0		
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	16.000	2.563	16	109
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	2.000.000	175.983	9	36
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	120.000	8.936	7	169
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>	2.000	0	0	0
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	50.000	4.139	8	50

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	55.000	2.300	4	0
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	110.000	32.215	29	141
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	22.000	2.958	13	117
13	Thu khác ngân sách	160.000	51.634	32	266
II	Thu từ dầu thô	0	0		
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	555.000	144.478	26	134
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	479.000	114.316	24	132
2	Thuế xuất khẩu	63.000	20.090	32	102
3	Thuế nhập khẩu	13.000	10.072	77	103
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0		0
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0		0
6	Thu khác	0	0		0
IV	Thu viện trợ	11.000	768	7	0
B	THU NSDP ĐƯỢC HUỖNG THEO PHÂN CẤP	8.977.600	2.286.591	25	112
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	8.977.600	2.286.591	25	112

## THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2023

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
<b>A</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	14.301.331	2.601.216	18	136
<b>I</b>	<b>CHI CÁN ĐỐI NSDP</b>	11.201.731	2.144.486	19	123
1	Chi đầu tư phát triển	3.218.266	166.219	5	64
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.188.266	166.219	5	64
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	30.000	0		
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	7.735.834	1.978.267	26	133
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.321.351	679.599	20	104
2	Chi khoa học và công nghệ	44.843	7.474	17	40
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	693.904	88.704	13	136
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	130.084	44.046	34	197
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	31.689	2.817	9	96
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	39.129	3.162	8	79
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	241.300	60.325	25	169
8	Chi sự nghiệp kinh tế	928.510	278.553	30	326
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.471.511	486.876	33	128

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
10	Chi bảo đảm xã hội	537.976	249.570	46	163
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	10.689	0	0	0
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.180	0	0	0
V	Dự phòng ngân sách	235.762	0	0	0
B	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP</b>	<b>3.099.600</b>	<b>456.730</b>	<b>15</b>	<b>263</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	663.223	16.581		
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	2.337.950	430.947	18	260
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	98.427	9.202	9	125

*Ghi chú: Tổng chi trên chưa bao gồm chi cải cách tiền lương và chi từ nguồn thu huy động, đóng góp*